

Số: 366/TB-HĐT

Sơn La, ngày 28 tháng 8 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả điểm thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 26, 27/8/2026

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư Ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt cho người nước ngoài;

Căn cứ Công văn số 1813/QLCL-QLT ngày 23/12/2022 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 132/QĐ-CĐSL ngày 03/3/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 692/QĐ-CĐSL ngày 22/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc thành lập Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 26, 27/8/2026;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-HĐT ngày 22/8/2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La ban hành Quyết định thành lập Ban Coi, Chấm thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 26, 27/8/2026;

Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài Trường Cao đẳng Sơn La thông báo Kết quả điểm thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 26, 27/8/2026 (*có danh sách kèm theo*). Mọi thắc mắc về kết quả điểm thi và có nguyện vọng phúc khảo bài thi, liên hệ Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng 401 nhà H - Trường Cao đẳng Sơn La. Số điện thoại tư vấn liên hệ: 0329.399.368: Email: landt.cdsl@gmail.com

Hạn cuối nhận đơn xin phúc khảo kết quả điểm thi trước 17h00' ngày 11/9/2026 tại Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, phòng 401 nhà H - Trường Cao đẳng Sơn La.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường *(b/c)*;
- Hội đồng thi *(b/c)*;
- HVCNBCVT, ĐHSPNN, ĐHSP-ĐHTN *(t/b)*;
- Lưu: VT, KTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG THI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Long**

DANH SÁCH
KẾT QUẢ ĐIỂM THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT
THEO KHUNG NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT DÙNG CHO
NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, KỲ THI NGÀY 26, 27/8/2026

*(Kèm theo Thông báo số 366/TB-HĐT ngày 28 tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Hội đồng thi)*

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Kỹ năng				Tổng điểm	TBC	Bậc năng lực	Quốc tịch	Ghi chú
					Nghe	Nói	Đọc	Viết					
1	TV6.26.001	MAITHONE AM	05/10/1996	Nam	4,0	6,0	5,0	4,0	19,0	5,0	B1	Lào	HV CNBC VT
2	TV6.26.002	SOUKCHALERN AMPHAVAN	08/09/2005	Nam	5,0	2,5	4,0	2,0	13,5	3,5	A2	Lào	ĐH Thái Nguyên
3	TV6.26.003	KHAMPOUMY ARMPHAILIN	16/08/2008	Nam	5,5	8,0	7,5	3,5	24,5	6,0	B2	Lào	TV K24G
4	TV6.26.004	PHUMSANGGER BOMBEE	01/07/2007	Nam	6,5	6,5	6,5	6,0	25,5	6,5	B2	Lào	TV K24B
5	TV6.26.005	LORVANXAY BOUNYUNG	12/05/2002	Nam	7,0	5,5	7,0	3,5	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24E
6	TV6.26.006	KHAMTHIDET CHANKEO	11/09/2007	Nữ	6,5	6,5	7,0	6,0	26,0	6,5	B2	Lào	TV K24E
7	TV6.26.007	HUANG CHAOYU	02/02/2006	Nam	5,5	4,5	6,0	4,0	20,0	5,0	B1	Trung Quốc	ĐH Nam Ninh
8	TV6.26.008	PHETTHONG CHENNY	27/06/2007	Nữ	7,5	7,5	7,0	6,0	28,0	7,0	B2	Lào	TV K24B
9	TV6.26.009	LORBIAYAO DAOPHOUT	02/05/2006	Nữ	3,5	4,5	5,5	5,0	18,5	4,5	B1	Lào	TV K24E
10	TV6.26.010	PHANTHAVONG DAVANH	20/05/2007	Nam	5,0	2,0	5,5	3,5	16,0	4,0	B1	Lào	ĐH Thái Nguyên
11	TV6.26.011	CHANTHALANGSY DAY	05/12/2007	Nữ	4,5	4,0	4,0	4,5	17,0	4,5	B1	Lào	TV K24E
12	TV6.26.012	XAYMANI HAK	25/04/2007	Nữ	6,0	6,5	6,5	6,5	25,5	6,5	B2	Lào	TV K24B
13	TV6.26.013	SENGMANEE HIENG	02/07/2007	Nam	5,5	6,5	7,0	6,0	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24B
14	TV6.26.014	SIPASEUTH KAPHET	27/04/2007	Nam	3,5	0,5	4,5	2,0	10,5	2,5	A2	Lào	HV CNBC VT
15	TV6.26.015	XAYPHAVONG KHAM	03/01/2007	Nữ	6,0	4,0	6,5	6,5	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24B
16	TV6.26.016	PHAVIXAI KHAMKEO	20/12/2007	Nữ	5,0	2,5	5,0	3,5	16,0	4,0	B1	Lào	TV K24D
17	TV6.26.017	INTHAVONG KHAMPHENG	29/10/2007	Nam	6,5	7,0	6,5	3,5	23,5	6,0	B2	Lào	TV K24A
18	TV6.26.018	THISAVANH KI	24/10/2007	Nam	6,0	6,0	6,0	5,0	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24E
19	TV6.26.019	INTHALA KIMMY	14/05/2008	Nam	6,5	3,5	4,5	3,5	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24G
20	TV6.26.020	THITTAVONG LAITHONG	05/03/2004	Nam	5,0	7,0	6,5	6,5	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24D
21	TV6.26.021	SAYALATH LOUNY	19/04/2008	Nam	5,5	7,5	4,5	6,0	23,5	6,0	B2	Lào	TV K24B
22	TV6.26.022	BOUNTHILAT MAICHAN	17/03/2002	Nam	7,0	3,5	7,5	5,0	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24G
23	TV6.26.023	KHAMVONGXAY MAYMEE	17/06/2007	Nữ	7,5	6,0	5,5	6,0	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24A
24	TV6.26.024	KHAMXAYYAPHOUM ME	02/02/2007	Nữ	6,0	2,5	5,0	6,0	19,5	5,0	B1	Lào	TV K24E
25	TV6.26.025	YATHORTOU MENG	08/07/2000	Nam	6,0	4,5	6,5	4,0	21,0	5,5	B1	Lào	ĐH Thái Nguyên
26	TV6.26.026	SOUVANNACHACK MESA	25/04/2008	Nữ	6,0	7,5	7,0	7,0	27,5	7,0	B2	Lào	TV K24B
27	TV6.26.027	XAIYAPHENG NAKHONE	17/07/2007	Nam	4,0	5,5	6,5	2,0	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24G
28	TV6.26.028	SISOUVONG NAKKHALIN	15/11/2004	Nam	5,0	6,0	7,0	2,5	20,5	5,0	B1	Lào	TV K24E
29	TV6.26.029	VONGSIVANTHONG NAWIN	07/12/2007	Nam	6,0	7,0	6,5	3,5	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24G
30	TV6.26.030	XAIYATHAM NOUKNICK	22/06/2007	Nữ	6,0	7,0	6,0	4,5	23,5	6,0	B2	Lào	TV K24G
31	TV6.26.031	NOYLATY	03/06/2007	Nữ	5,5	5,5	5,0	1,5	17,5	4,5	B1	Lào	TV K24B
32	TV6.26.032	NGERNKENGYA ONH	05/02/1989	Nam	6,0	6,0	5,5	3,0	20,5	5,0	B1	Lào	TV K24G
33	TV6.26.033	SOUKSAVATH ONKEO	21/10/2006	Nam	6,5	7,0	5,0	8,0	26,5	6,5	B2	Lào	TV K24C
34	TV6.26.034	SOUKSAVAT PHALISA	17/07/2008	Nữ	5,0	5,0	5,0	2,0	17,0	4,5	B1	Lào	TV K24E

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Kỹ năng				Tổng điểm	TBC	Bậc năng lực	Quốc tịch	Ghi chú
					Nghe	Nói	Đọc	Viết					
35	TV6.26.035	NOLASING PHASOUK	06/09/2006	Nam	6,0	4,0	6,0	2,0	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24B
36	TV6.26.036	CHANTHAVONG PHETMINA	08/03/2008	Nữ	6,0	5,5	5,5	4,0	21,0	5,5	B1	Lào	TV K24G
37	TV6.26.037	BOUNNALERD PHETTHASONE	14/05/2007	Nam	5,5	7,5	5,0	2,0	20,0	5,0	B1	Lào	TV K24A
38	TV6.26.038	MANICHAN PHETTIDA	01/10/2007	Nữ	6,0	6,0	7,0	4,0	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24B
39	TV6.26.039	LAOLY PHONE	20/11/2007	Nữ	4,5	6,0	5,0	5,5	21,0	5,5	B1	Lào	TV K24D
40	TV6.26.040	OUSENGKHAM PHONEMANY	19/06/2007	Nữ	6,0	4,5	5,0	3,5	19,0	5,0	B1	Lào	TV K24G
41	TV6.26.041	PHENGPHANIT PHONETHIDA	16/05/2008	Nữ	5,5	4,0	5,0	3,5	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24G
42	TV6.26.042	KEANPASERT PHONGSATHONE	13/05/1993	Nam	5,0	6,5	6,5	5,0	23,0	6,0	B2	Lào	ĐH Thái Nguyên
43	TV6.26.043	PATHOUMVANH PHOUDTHASIT	05/01/2004	Nam	5,5	5,0	7,0	2,5	20,0	5,0	B1	Lào	HV CNBC VT
44	TV6.26.044	DUANGDEE PINKEO	05/02/2007	Nữ	6,0	7,0	7,0	4,0	24,0	6,0	B2	Lào	TV K24A
45	TV6.26.045	SOUDSAVATH POUNTHAVY	02/08/2003	Nam	5,5	3,5	5,0	2,5	16,5	4,0	B1	Lào	TV K24E
46	TV6.26.046	SYSOMBATH SAENG SULIN	18/01/2007	Nam	6,0	4,5	7,5	7,0	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24G
47	TV6.26.047	SONEPHACHANH SENG TAVAN	29/12/2007	Nam	6,5	7,0	6,0	6,0	25,5	6,5	B2	Lào	TV K24D
48	TV6.26.048	KEOVANGLATH SINGXAY	20/09/2001	Nam	5,0	2,0	5,5	2,5	15,0	4,0	B1	Lào	TV K24E
49	TV6.26.049	SOULIVONG SISAVATH	31/08/2007	Nam	5,5	5,5	4,0	3,0	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24E
50	TV6.26.050	KHOUNTHASONE SIT	09/04/2001	Nam	6,5	5,0	7,0	4,5	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24E
51	TV6.26.051	SIPHONXAY SOKXAY	21/11/2006	Nam	6,0	6,0	7,0	4,0	23,0	6,0	B2	Lào	ĐH Thái Nguyên
52	TV6.26.052	SIHAVONG SOMLIKHITH	20/10/2007	Nam	7,0	8,0	7,0	6,0	28,0	7,0	B2	Lào	ĐH Thái Nguyên
53	TV6.26.053	KEOMANY SOMSACK	07/08/1997	Nam	4,0	5,0	4,5	4,5	18,0	4,5	B1	Lào	TV K24E
54	TV6.26.054	PHENG SOMTOUY	29/06/2004	Nam	3,5	2,5	5,0	4,0	15,0	4,0	B1	Lào	TV K24B
55	TV6.26.055	SENPHOUTTAYO SOPHINKHAM	17/08/2007	Nữ	6,5	7,0	6,0	4,5	24,0	6,0	B2	Lào	TV K24A
56	TV6.26.056	VANNAVONG SOUDTHIDA	10/03/2007	Nữ	7,0	6,0	6,0	6,0	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24C
57	TV6.26.057	ONEXAYYAKHEN SOUKSAKHONE	10/07/2005	Nam	6,5	4,0	7,0	5,5	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24B
58	TV6.26.058	KEOVILAY SOUKSAVANH	03/06/2006	Nam	6,0	6,0	6,0	5,5	23,5	6,0	B2	Lào	ĐH Thái Nguyên
59	TV6.26.059	SINGNGAM SOUKTHANVA	02/12/2005	Nam	5,5	4,0	6,0	3,5	19,0	5,0	B1	Lào	TV K24B
60	TV6.26.060	KOUNPASIRTH SUBANHDITH	19/12/2007	Nam	6,5	6,5	7,0	5,0	25,0	6,5	B2	Lào	TV K24A
61	TV6.26.061	MANEESONE TAR	18/03/2008	Nữ	5,0	5,5	6,5	6,0	23,0	6,0	B2	Lào	TV K24D
62	TV6.26.062	SAPASONG THAVISAK	25/09/2007	Nam	5,5	5,0	4,5	4,0	19,0	5,0	B1	Lào	TV K24B
63	TV6.26.063	KHIEMTHEPHAPHONE THAVISOUK	08/01/2005	Nam	4,0	5,5	5,0	4,5	19,0	5,0	B1	Lào	TV K24A
64	TV6.26.064	DET OUTHAY THEVAN	14/10/2006	Nữ	3,0	2,5	3,5	5,0	14,0	3,5	A2	Lào	TV K24E
65	TV6.26.065	SILISENG THIPPHAVONE	13/12/2007	Nữ	4,5	4,0	6,0	4,5	19,0	5,0	B1	Lào	ĐH Thái Nguyên
66	TV6.26.066	KORKEOSOUPHID THITNAKHONE	16/09/2007	Nữ	6,5	6,5	5,5	5,0	23,5	6,0	B2	Lào	TV K24B
67	TV6.26.067	IYA TOUY	10/02/2008	Nữ	6,0	5,0	3,0	3,5	17,5	4,5	B1	Lào	ĐH Thái Nguyên
68	TV6.26.068	THAVEEPHUN VEE	07/12/2007	Nữ	4,5	3,5	6,5	4,5	19,0	5,0	B1	Lào	TV K24G
69	TV6.26.069	WEI YIKAI	25/02/2007	Nam	5,0	6,5	7,5	6,5	25,5	6,5	B2	Trung Quốc	ĐH Nam Ninh
70	TV6.26.070	YAO YILIN	11/04/2008	Nữ	6,5	5,0	7,5	7,0	26,0	6,5	B2	Trung Quốc	ĐH Nam Ninh
71	TV6.26.071	LATSAMEEMOUA	05/08/2006	Nữ	7,0	6,0	5,5	7,0	25,5	6,5	B2	Lào	TV K24D

Danh sách này có 71 thí sinh./.

Trong đó:

Bậc năng lực	A1	A2	B1	B2	C1	C2
Tổng số	0	3	32	36	0	0